

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2022/DS-ST
Ngày: 06 - 7 - 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Thụy.
2. Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 12/2022/TLST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 192/2022/QĐXXST-KDTM ngày 19 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2022/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Trụ sở: Số 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường V, Quận B, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S - Giám đốc Ngân hàng T - Chi nhánh A.

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn B - Phó phòng giao dịch P - Chi nhánh A.

Địa chỉ: Số 222 Trần Phú, thị trấn P, huyện T, tỉnh A.

Bị đơn: Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Cà L, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 15F, tổ 33, khóm T, phường M, thành Phố L, tỉnh A.

(Ông B có đơn xin vắng mặt, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án đại diện nguyên đơn trình bày:

Giữa Ngân hàng T chi nhánh A, phòng giao dịch P (sau đây được viết tắt là ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Cà L đã ký kết hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01161-00341 ngày 29/5/2019 cho vay số tiền 40.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh ăn uống, lãi suất cho vay là 24%/năm tương đương với lãi suất thực tế khoản vay được ấn định theo quy định tại hợp đồng hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01161-00341 ngày 29/5/2019, thời gian vay là 305 ngày. Sau khi vay, bà Cà L chỉ thanh toán được số tiền 5.673.600 đồng. trong đó vốn là 5.488.800 đồng và lãi 184.800 đồng thì ngưng. Nay Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Cà L thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền là 42.348.300 đồng (Trong đó vốn gốc là: 34.511.200 đồng; Lãi tạm tính đến ngày 06/7/2022 là: 7.837.100 đồng)

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Cà L đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đến nay vẫn không nộp văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn B có đơn yêu cầu được vắng mặt.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Cà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo qui định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự là chưa chính xác vì bị đơn không có đăng ký kinh doanh. Do đó, phải xác định quan hệ tranh chấp là án dân sự theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Cà L trả vốn, lãi là 42.348.300 đồng tạm tính đến ngày 06/7/2022 cho Ngân hàng T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Khi thụ lý vụ án Tòa án căn cứ vào hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng T - Chi nhánh A, phòng giao dịch P với bà Nguyễn Thị Cà L có mục đích vay là kinh doanh quán cà phê để xác định đây là tranh chấp về kinh doanh, thương mại

theo khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên, trong quá trình thu thập chứng cứ, không có căn cứ xác định bị đơn bà Nguyễn Thị Cà L có đăng ký kinh doanh nên không thỏa mãn điều kiện quy định về tranh chấp kinh doanh thương mại. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 xác định lại quan hệ tranh chấp giữa Ngân hàng T và bà Nguyễn Thị Cà L là tranh chấp Dân sự - hợp đồng tín dụng.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Cà L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 15F, tổ 33, khóm T, phường M, thành Phố L, tỉnh A nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo điểm a khoản 3 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi nhận được quyết định hoãn phiên tòa, ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn nộp cho Tòa án với nội dung đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt trực tiếp và niêm yết công khai các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Cà L theo qui định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Nguyễn Thị Cà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Cà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Ngày 29/5/2019, Ngân hàng T - Chi nhánh A, phòng giao dịch P và bà Nguyễn Thị Cà L ký Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 01161-00341, thỏa thuận cho vay 40.000.000 đồng. Mục đích vay bổ sung vốn bán quán cà phê, lãi suất cho vay 24%/năm, thời hạn vay 183 ngày, trả lãi hàng ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Cà L chỉ trả cho ngân hàng được 5.673.600 đồng (vốn là 5.488.800 đồng và lãi 184.800 đồng) thì ngừng thanh toán cho đến nay. Tính đến ngày 06/7/2022, bà Cà L còn nợ vốn, lãi là tổng số tiền là 42.348.300 đồng.

Nguyên đơn căn cứ Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 01161-00341 ngày 29/5/2019 làm căn cứ khởi kiện. Xét thấy, việc giao dịch vay tài sản giữa các bên đã được xác lập trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Do bà Cà L thực hiện không đúng nghĩa vụ trả tiền vay nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu bà Cà L trả vốn, lãi là 42.348.300 đồng tạm tính đến ngày 06/7/2022, là có căn cứ để chấp nhận.

Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Cà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T số tiền vốn, lãi tính đến ngày 06/7/2022 là 42.348.300 đồng.

Kể từ ngày 06/7/2022 bà Cà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01161-00341 ngày 29/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Về án phí:

- Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 262, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ Luật dân sự;

Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

Buộc bà Nguyễn Thị Cà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T chi nhánh A phòng giao dịch P nhận thay) số tiền là 42.348.300 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm đồng).

Kể từ ngày 06/7/2022 bà Cà L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01161-00341 ngày 29/5/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí:

Ngân hàng T được nhận lại 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0001115 ngày 29/3/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố L (do Ngân hàng T chi nhánh A phòng giao dịch P nhận thay).

Bà Nguyễn Thị Cà L phải nộp 2.117.415 đồng (Hai triệu một trăm mười bảy nghìn bốn trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh An Giang;
- VKSND TP. Long Xuyên;
- Chi cục THADS TP. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Minh Trang